

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính và Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2103/QĐ-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 426/TTr-STC ngày 27 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính, cụ thể như sau:

1. Công bố 146 danh mục thủ tục hành chính, trong đó: 113 Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh; 33 Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết cấp xã, phường.

(có Phụ lục I kèm theo)

2. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, trong đó: 106 quy trình liên thông cấp tỉnh; 31 quy trình thuộc thẩm quyền phòng chuyên môn lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch tại các xã, phường.

(có Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2025 và thay thế các Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 11/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về công bố Danh mục và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 18/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính và bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính; Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VNPT Sơn La;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, N (03b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH THUỘC PHẠM
VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I	Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể (58 TTHC)					
1	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp. Mã số 1.010010	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
2	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp Mã số 1.010023	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của	- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

				Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	<u>của Bộ Tài chính.</u>	
3	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001610	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoan	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			h.gov.vn .	nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
4	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên Mã số 2.001583	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			+ Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh	47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
--	--	--	--	--	---	--

				nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
5	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên Mã số 2.001199	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

				trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
6	Đăng ký thành lập công ty cổ phần Mã số 2.002043	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công thành	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			phố Huế; + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội	01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
--	--	--	--	---	--	--

				dung đăng ký doanh nghiệp.		
7	Đăng ký thành lập công ty hợp danh Mã số 2.002042	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLĐN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng quản lý doanh nghiệp và Đăng	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLĐN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

				ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
8	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002041	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính;	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			+ Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.	<u>1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
9	Đăng ký đôi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 1.005169		quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh	04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
--	--	--	---	---	---	--

				nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
10	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh Mã số 2.002011	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

				khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
11	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002010	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.	- <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
12	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002009		ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	- Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
--	--	--	--	---	--	--

				Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
13	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Mã số 2.002008	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Công thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn - Địa chỉ: Trung tâm Phục vụ hành chính	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.00 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			công tỉnh. Số 01 Lê Lai, Tỉnh Huế.	hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mã số 1.005114	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.		Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
15	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết Mã số 2.002000	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
16	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ;	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	hợp danh) Mã số 2.001996		theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	(Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
17	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân Mã số 2.001993	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

					<u>của Bộ Tài chính.</u>	
18	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết Mã số 2.002044	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
19	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết Mã số 2.001992	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

				qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố	- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
--	--	--	--	---	--	--

				nội dung đăng ký doanh nghiệp		
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế) Mã số 2.001954	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

				hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
21	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002069	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: +Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. +Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; +Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	PhòngQLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp		
22	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) Mã số 2.002070	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
23	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, Tỉnh trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động	- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Công thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn - Địa chỉ: Trung tâm	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương Mã số 2.002031		Phục vụ hành chính công tỉnh. Số 01 Lê Lai, Tỉnh Huế.	phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
24	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, Tỉnh trực thuộc TW nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Mã số 2.002075		nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	<u>- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
25	Thông báo lập địa điểm kinh doanh Mã số 2.002072	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: +Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			+Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; +Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <u>- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 2.002045	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

			nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
27	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư,	- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: +Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La +Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, Tỉnh trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính Mã số 1.005176		bưu chính; +Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Công thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
28	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau	- Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền Mã số 1.010026		đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn .	- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.	47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
29	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty Mã số 2.002085	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính	

			+ Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
30	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty Mã số 2.002083	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
31	Hợp nhất doanh	Trong thời hạn 03	- Cách thức: Người	- Lệ phí đăng ký	- Luật Doanh nghiệp	Phòng QLDN và Đăng

	nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002059	(ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn .	doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký.	số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	ký kinh doanh - Sở Tài chính
--	---	---	--	--	--	------------------------------

				doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
32	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) Mã số 2.002060	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

				chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
33	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) Mã số 2.002057	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: +Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La +Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính;	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			+ Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	ng nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	<u>1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại Mã số 2.002034	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			+ Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
35	Chuyển đổi doanh nghiệp tư	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm	- Cách thức: Người thành lập doanh	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Phòng QLDN và Đăng ký kinh

	nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần Mã số 2.002032	việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	ng nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không	ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	doanh - Sở Tài chính
--	---	--	--	---	--	-----------------------------

				được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
36	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên Mã số 2.002033	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh -Sở Tài chính

				của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
37	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mã số 1.010027	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	<u>của Bộ Tài chính.</u>	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	Mã số 2.002018		Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
39	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

	doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Mã số 2.002017		+ Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
40	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002015	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

			nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn	- Sau khi nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây:	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần, đăng ký tạm ngừng kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC);	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.

	phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) Mã số: 2.002029	xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	+ Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC); - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc chuyển vào tài khoản của Bộ phận thu phí và lệ phí tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
--	---	---	--	---	--	--

42	Giải thể doanh nghiệp Mã số: 2.002023	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể doanh nghiệp, Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh phải đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.
----	--	---	--	---	---	---

		Cơ quan thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.				
43	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án Mã số 2.002022	Tối đa không quá 30 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội đồng giải thể để thẩm định đề nghị giải thể công ty	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây:	Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.

			+ Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn		ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
44	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số 2.002020	Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Tổ chức lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trong những cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Dịch vụ công trực tuyến.	Không	- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về phối hợp,	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

					liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/01/2021 về Đăng ký Doanh nghiệp; - Thông tư số 01/2021/TT-CP ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng, phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký	
--	--	--	--	--	---	--

					doanh nghiệp; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 công bố cập nhật, sửa đổi nội dung của một số thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
--	--	--	--	--	---	--

45	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp Mã số 2.002016	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	Miễn lệ phí.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.
----	--	---	--	--------------	---	---

46	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. Mã số 1.010029	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
----	---	--	---	---	--	--

47	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh Mã số 1.010030	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.
----	---	--	--	--	---	---

48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán. Mã số 1.010031	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.
	Thông báo thay đổi nội dung	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp	Lệ phí: 0 Đồng (Không được quy định tại Biểu	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Phòng QLDN và Đăng ký kinh

49	Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường. Mã số 2.000375	việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: - https://dangkykinhdoanh.gov.vn	phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC)	ngày 17 tháng 6 năm 2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	doanh Sở Tài chính
50	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội Mã số 2.000416	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	Lệ phí: 0 Đồng (Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính

			+ Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn		01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
51	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường Mã số 2.000368	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng Cổng thông tin Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ sau: https://dangkykinhdoanh.gov.vn -	Lệ phí: 0 Đồng (Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số - 47/2019/TT-BTC)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính

52	Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị Mã số 2.002418	Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonl.a.gov.vn)	- Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); - Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.
			Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ		- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12	

53	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp Mã số 2.001999	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	tháng 06 năm 2017; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
54	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp Mã số 2.001999	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 06 năm 2017; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 08 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
		Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch		- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày	

55	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 1.000016	xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.
56	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.000005	Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; <u>- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính.
	Thông báo giải thể và kết quả	Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia		- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018	Phòng QLDN và

57	giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo Mã số 2.002005	thông báo và các tài liệu kèm theo trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
58	Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh) Mã số 2.002004	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, công ty thực hiện quản lý quỹ thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017; Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo; - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Phòng QLDN và Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính
II Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (22 TTHC)						
		- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng		- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày	- Cơ quan trực

1.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009642	nước có liên quan đối với trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại trường hợp 1 hoặc gửi báo cáo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm và hồ sơ đề lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư đối với trường hợp chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại trường hợp 2; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của <u>Sở Tài chính</u>, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi <u>Sở Tài</u>	dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	tiếp thực hiện: Sở Tài chính. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
----	--	---	--	---------	--	--

		<u>chính</u>; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư. * Đối với hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh của thủ tục có cấp phép khai thác khoáng sản thời hạn giải quyết trong 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong đó: - UBND tỉnh: 05 ngày làm việc; - <u>Sở Tài chính</u>: 15 ngày làm việc.				
--	--	---	--	--	--	--

2.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009644	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cùng cấp có liên quan về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó, gửi <u>Sở Tài chính</u>; Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định gồm nội dung theo quy định tại các	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
----	--	---	--	---------	---	--

		điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 của Luật Đầu tư, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư.				
3.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009645	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến thực hiện dự án và các cơ quan có liên quan. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của <u>Sở Tài chính</u> , cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố (https://dichvucong.sola.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

		quản lý nhà nước của mình, gửi <u>Sở Tài chính</u>. - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định trình UBND cấp tỉnh. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư.				
4.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009646	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố (https://dichvucong.so)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày</u>	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

		dụng điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của <u>Sở Tài chính</u>, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.	nla.gov.vn)		<u>24 tháng 4 năm 2025</u> <u>của Bộ Tài chính.</u>	
--	--	--	-------------	--	--	--

5.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009647	- Đối với Trường hợp 1: + Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; + Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư. * Tổng cộng: 10 ngày - Đối với Trường hợp 2: + Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; + Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; + Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư đối với nhà đầu tư là tổ chức; + Giải trình hoặc cung cấp tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 33	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
----	--	---	--	---------	--	---

		của Luật Đầu tư (nếu có).				
6.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009649	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính. - UBND Tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

		cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của <u>Sở Tài chính</u> , Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.				
7.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009650	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (https://dichvucong.so	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến liên quan và tổ chức thẩm định . UBND Tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có)

		ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của <u>Sở Tài chính</u>, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.	nla.gov.vn)			
	Thủ tục điều chỉnh	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại		- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan

8.	dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009652	được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;	Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (https://dichvucong.sola.gov.vn)	- Không	17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	liên quan và tổ chức thẩm định - UBND Tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
----	---	---	--	---------	--	--

		Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của <u>Sở Tài chính</u> , UBND cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư				
9.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh. Mã số 1.009653	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sola.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND Tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

		phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; - Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của <u>Sở Tài chính</u>, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.				
10.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có)

	thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh Mã số 1.009654	của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án	gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)		Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký
11.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh Mã số: 1.009655	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lấy ý kiến về những nội dung điều chỉnh dự án đầu tư. - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về nội dung điều chỉnh dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó; Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND Tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

		nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định các nội dung điều chỉnh dự án đầu tư để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định của <u>Sở Tài chính</u>, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.				
12.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để điều chỉnh Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Trong thời hạn 05	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025</u>	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ - UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (nếu có) - Sở Tài chính điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

	31/2021/NĐ-CP) Mã số 1.009656	ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của <u>Sở Tài chính</u> , Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.			<u>của Bộ Tài chính.</u>	
13.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) Mã số 1.009657	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, <u>Sở Tài chính</u> căn cứ bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sola.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

14.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009659	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan để lấy ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> xem xét	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định - UBND Tỉnh quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) - Sở Tài chính quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư (đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)
-----	--	---	---	---------	---	--

		điều kiện gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 44 của Luật Đầu tư và khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP để lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của <u>Sở Tài chính</u>, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.				
15.	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mã số 1.009661	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, <u>Sở Tài chính</u> tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan

			thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)		- <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
16.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009662	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư hoặc thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho <u>Sở Tài chính</u> . thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)
17.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư Mã số 1.009664	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Điều 36 Nghị định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. Hoặc nộp hồ sơ trực	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

		số 31/2021/NĐ-CP, <u>Sở Tài chính</u> cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	tuyển trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)		- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
18.	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009665	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tuyển trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không		Sở Tài chính cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
19.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư Mã số 1.009671	<u>Sở Tài chính</u> cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. Hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tuyển trên Cổng dịch vụ công quốc gia	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

			(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)		ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
20.	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài. Mã số 1.009729	- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, <u>Sở Tài chính</u> xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Đầu tư, khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và thông báo cho nhà đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 66 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Văn bản thông báo được gửi cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh - (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài

		ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp. - Trường hợp tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo, xã, phường, thị trấn biên giới và xã, phường, thị trấn ven biển; khu vực khác có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, thời hạn giải quyết như sau: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP; - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ				
--	--	---	--	--	--	--

		ngày nhận được văn bản đề nghị của <u>Sở Tài chính</u>, Bộ Quốc phòng và Bộ Công an có ý kiến về việc đáp ứng điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; quá thời hạn yêu cầu mà không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý việc đáp ứng điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp; Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, <u>Sở Tài chính</u> xem xét việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy				
--	--	--	--	--	--	--

		định tại khoản 2 Điều 24 Luật Đầu tư, khoản 4 Điều 65 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và căn cứ ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề thông báo cho nhà đầu tư. Văn bản thông báo được gửi cho nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp.				
21.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Mã số 1.009731	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, <u>Sở Tài chính</u> cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích - tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.

22.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. Mã số 1.009736	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho <u>Sở Tài chính</u> tại nơi đặt văn phòng điều hành. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, <u>Sở Tài chính</u> quyết định thu hồi Giấy chứng nhận	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)	- Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	Sở Tài chính thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.
III Lĩnh vực quản lý nợ và kinh tế đối ngoại (01 TTHC)						
1	Xác nhận chuyên gia cấp tỉnh	15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: + <u>Sở Tài chính</u>: 12	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	- Không có	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA; - Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền

	Mã số: 2.002058	ngày + UBND Tỉnh: 03 ngày	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn)		và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	quyết định: UBND Tỉnh.
IV Lĩnh vực Phát triển doanh nghiệp nhà nước (11 TTHC)						
1	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ Mã số: 2.002665	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến qua mạng thông tin điện tử.	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TTBTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Nghị định số 89/2024/NĐCP của Chính phủ: Về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	Phòng QLDN và Đăng ký Kinh doanh của Sở Tài chính

		doanh nghiệp.				
2	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV Mã số: 2.002666	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Nộp trực tiếp hoặc qua - dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến qua mạng thông tin điện tử.	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TTBTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Nghị định số 89/2024/NĐCP của Chính phủ: Về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	Phòng QLDN và Đăng ký Kinh doanh của Sở Tài chính
3	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cập nhật	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc trực tuyến qua mạng thông tin điện tử.	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TTBTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Nghị định số 89/2024/NĐCP của Chính phủ: Về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động	Phòng QLDN và Đăng ký Kinh doanh của Sở Tài chính

	công ty con chưa chuyển đổi Mã số: 2.002667	thông tin về địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.		sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.	
4	Thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau	- Không	- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan chủ trì thẩm định: Bộ Tài chính.

	dân cấp tỉnh) quyết định thành lập Mã số 2.000529	thuộc phạm vi quản lý đến <u>Bộ Tài chính</u> để tổng hợp và lập báo cáo thẩm định. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, <u>Bộ Tài chính</u> lập báo cáo thẩm định và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu. - Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương. Tổng thời gian: 50 ngày làm việc.	đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh . + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; + Đăng ký trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.so nla.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. - <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- UBND Tỉnh ra quyết định thành lập.
5	Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu	Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị hợp nhất, sáp nhập, cơ quan có thẩm quyền quy	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh	- Không	- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Luật Quản lý, sử dụng	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Tỉnh.

	(Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý Mã số 2.001061	định tại Điều 15 Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ thẩm định, phê duyệt Hồ sơ và ra quyết định hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp.	theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; - + Đăng ký trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.sonla.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. <u>- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
	Chia, tách doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Nhà nước	- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ, các cơ quan liên quan gửi văn bản tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý đến cơ	- Cách thức: Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh	- Không	- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Tỉnh.

6	nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập hoặc được giao quản lý Mã số 2.001025	quan đại diện chủ sở hữu. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu lập báo cáo thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương. Cơ quan đại diện chủ sở hữu ra quyết định chia, tách doanh nghiệp trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương. Tổng thời gian: 50 ngày làm việc.	ng nghiệp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh . + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; - + Đăng ký trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.so.nla.gov.vn) hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		năm của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. <u>- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
	Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà	Trong thời hạn 03	- Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh		- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng đăng ký kinh doanh; Cơ quan quyết định: Sở Tài chính.

7	nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc giao quản lý) Mã số 1.002395	(ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; - + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.	- Không	của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
8	Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Tối đa không quá 30 ngày làm việc, người có thẩm quyền quyết định giải thể công ty thành lập Hội	- Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền thực hiện đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh theo phương thức sau đây: + Đăng ký doanh nghiệp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ	- Không	- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm của Quốc	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Tỉnh.

	quyết định thành lập hoặc giao quản lý). Mã số 2.001021	đồng giải thể đề thẩm định đề nghị giải thể doanh nghiệp.	hành chính công tỉnh Sơn La + Đăng ký doanh nghiệp qua dịch vụ bưu chính; - + Đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.		hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. <u>- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
9	Thủ tục cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương Mã TTHC: 1.010060	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	- Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; - Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày	Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Tỉnh.

17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn;

- Thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.
- Quyết định số 2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính

10	Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương Mã TTHC: 1.007623	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	- Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; - Quyết định số 64/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; - Thông tư số 58/2017/TT-BTC ngày 13/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ các tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số tại khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn. - Quyết định số	Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Tỉnh.
----	---	--	---	----------------	---	---

					2070/QĐ-BTC ngày 27/9/2016 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá trong lĩnh vực Tài chính doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Tài chính.	
11	Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp Mã TTHC: 3.000214	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính - Trực tiếp hoặc trả qua bưu điện	- Không	Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại Doanh nghiệp. - Quyết định số 1399/QĐ-BTC ngày 11/7/2022 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ trong Tài chính doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

V	Lĩnh vực quản lý công sản (03 TTHC)					
1	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư Mã TTHC: 1.005419	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. - Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Quyết định số 209/QĐ-BTC ngày 13/02/2018 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
2	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trực tiếp	- Không	- Nghị định số 43/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ. - Quyết định số	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền

	lý, sử dụng Mã TTHC: 1.011769		hoặc qua dịch vụ bưu chính		1610/QĐ-BTC ngày 31/7/2023 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	quyết định: UBND tỉnh
13	Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Mã TTHC: 1.006218	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/NĐ- CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; - Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. - Quyết định số 828/QĐ/BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài	

					chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
4	Thủ tục chi thường đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên Mã TTHC: 1.006219	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; - Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. - Quyết định số 828/QĐ/BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban	

					hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
5	Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu Mã TTHC: 1.006220	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 15/9/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; - Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. - Quyết định số 828/QĐ/BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của	

					Bộ Tài chính.	
6	Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp Mã TTHC: 1.006221	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh; Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Quyết định số 828/QĐ/BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
7	Thủ tục giao quyền Sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ Mã TTHC: 1.006222	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh; Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. - Quyết định số 828/QĐ/BTC ngày 17/5/2019 của Bộ Tài	

					chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
8	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế Mã TTHC: 3.000410	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh; Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính	- Không	Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính	
9	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã TTHC: 3.000327	45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số -	- Không	- <i>Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.</i> - Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đất đai và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	

					- Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
10	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã TTHC: 3.000324	- Trong thời hạn 33 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thu hồi. - Trong thời hạn 22 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc có văn bản hồi đáp	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số -	- Không	- <i>Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.</i> - Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đất đai và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	

		trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.				
11	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã TTHC: 3.000328	- Trong thời hạn 33 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp có tài sản, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chuyển tài sản. - Trong thời hạn 22 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản không phù hợp.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số -	- Không	- <i>Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.</i> - Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đất đai và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	

12	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại Mã TTHC: 3.000326	- Trong thời hạn 33 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của doanh nghiệp có tài sản, cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh: + Xem xét, quyết định thanh lý/xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của mình theo phân cấp quy định tại khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 8/2025/NĐ-CP hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp. + Xem xét, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Trong thời hạn 22 ngày, kể từ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số	- Không	- <i>Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.</i> - Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đất đai và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 2096/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý công sản, tài chính đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
----	---	--	---	----------------	---	--

		ngày nhận đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về thủy lợi cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp.				
13	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi Mã TTHC: 3.000326	- Trong thời hạn 22 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả chi phí xử lý tài sản. - Trong thời hạn 22 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc điện tử trong trường hợp đã có chữ ký số	- Không	- <i>Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.</i> - Quyết định số 143/QĐ-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực đất đai và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	

		tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho doanh nghiệp được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản.				
V Lĩnh vực quản lý giá (01 TTHC)						
1	Hiệp thương giá Mã số: 1.012735	- Thời hạn rà soát văn bản đề nghị hiệp thương giá: tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến); - Thời hạn để các bên bổ sung thông tin nếu văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định: tối đa 15 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC (https://dichvucong.sonla.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	- Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá tại hội nghị hiệp thương giá và tiếp tục đề nghị Cơ quan hiệp thương giá (Bộ cơ quan ngang Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực) xác định mức giá để hai bên thực hiện.	- Luật Giá ngày 19/6/2023; Nghị định số 85/2024/NĐCP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.	+ Cơ quan thực hiện: Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công nhiệm vụ thẩm định phương án giá của UBND tỉnh.

		trực tuyến); - Thời hạn tổ chức hiệp thương giá: tối đa 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hiệp thương giá đủ điều kiện theo quy định (tính theo đầu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến).				
VI Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)						
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ Mã số: 2.000765	- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 15 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ cho <u>Sở Tài chính</u> . + <u>Sở Tài chính</u> : 12 ngày + UBND Tỉnh: 03 ngày - Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công. + UBND Tỉnh: 03 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh - (https://dichvucong.sonla.gov.vn) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia https://dichvucong.gov.vn).	- Không có	- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Tỉnh.

		- Trường hợp sử dụng ngân sách trung ương thì thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư công.				
VII Lĩnh vực công nghệ thông tin (01 TTHC)						
1	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách Mã số: 2.002206	Thời hạn Cơ quan tài chính cấp mã số đơn vị quan hệ ngân sách (ĐVHQNS) và gửi thông báo cấp Giấy chứng nhận mã số ĐVQHNS điện tử cho đơn vị (lần đầu hoặc cấp lại) là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo phương thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính; 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Dịch vụ công trực tuyến đăng ký mã số ĐVQHNS của Bộ Tài chính https://mstt.mof.gov.vn	- Không	- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ;	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính

		đầy đủ, hợp lệ theo phương thức nộp hồ sơ qua Dịch vụ công trực tuyến đăng ký mã số ĐVQHNS.			- Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính; <u>Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính.</u>	
VIII Lĩnh vực quản lý đấu thầu						
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số: 1.009491	37 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Thời gian thẩm định: Không quá 25 ngày làm việc; - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 12 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	- Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Quyết định 1404/QĐ-BTC năm 2025 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đấu	

					thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
2	Thẩm định, báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất. Mã số: 1.009492	62 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Thời gian thẩm định: Không quá 50 ngày làm việc; - Thời gian phê duyệt dự án PPP: Không quá 12 ngày làm việc.	Thẩm định, báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất. -	- Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Quyết định 1404/QĐ-BTC năm 2025 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
3	Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP	37 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Thời hạn thẩm	- Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020; - Nghị định số	

	do nhà đầu tư đề xuất Mã số: 1.009493	định: Không quá 25 ngày làm việc; - Thời hạn phê duyệt: Không quá 12 ngày làm việc.			35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Quyết định 1404/QĐ-BTC năm 2025 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
4	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất Mã số: 1.009494	62 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, trong đó: - Thời hạn thẩm định: Không quá 50 ngày làm việc; - Thời hạn phê duyệt: Không quá 12 ngày làm việc.	- Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Không	- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức	

					đối tác công tư; - Quyết định 1404/QĐ-BTC năm 2025 công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
5	Công bố dự án đầu tư kinh doanh đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất Mã số: 2.002603	- Về thời hạn xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư: Trong thời gian 25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - Về thời gian đăng tải thông tin: Trong thời hạn chậm nhất 03 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh.	- Không	- Luật Đầu thầu 22/2023/OH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; - Nghị định 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;	

					- Nghị định số 115/2024/NĐ – CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ. - Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	
--	--	--	--	--	--	--

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã					
1	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp huyện hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc thanh toán	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (Nghị định số 92/2024/NĐ-CP); - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

	phạm quyền sở hữu công nghiệp Mã số: 2.002635			trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Nghị định số 125/2025/NĐ-CP); - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
2	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Mức lệ phí (nếu có) theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

	hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo Mã số: 2.002636				đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
3	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 Mã số: 2.002637	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đăng ký	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

	Mã số: 2.002638				- Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
5	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác Mã số: 2.002639	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị đăng ký	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
			Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi		- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số	

6	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác Mã số: 2.002640	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị	trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	125/2025/NĐ-CP - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
7	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác Mã số: 2.002641	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

					phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
8	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác Mã số: 2.002642	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
			Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT;	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

9	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 2.002643	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.			- Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
10	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác Mã số: 2.002644	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

					năng quản lý của Bộ Tài chính	
11	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 2.002645	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
			Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

12	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài Mã số: 2.002646	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đề nghị.			09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
13	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 2.002648	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

					tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
14	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 2.002649	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
15	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện,	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

	địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 2.002650	bản đề nghị.			125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
16	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã;	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

	đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất Mã số: 1.005280				lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
17	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh Mã số: 2.002123	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
			Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập Mã số: 1.005277	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.		tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
19	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 1.004901	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

					sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập Mã số: 1.004979	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
			Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

21	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 2.001958	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.		Luật Hợp tác xã 2023.	- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
22	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

	hiệp hợp tác xã; Mã số: 1.005378				lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	
23	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Mã số: 1.005377	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP;	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

	động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 2.001973			Luật Hợp tác xã 2023.	- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
25	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 1.004982	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

					sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
26	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mã số: 1.005010	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
			Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí : Đồng (- Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.	

27	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh Mã số: 1.001612	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		85/2019/TT- BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ	- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã
----	---	--	--	---	--	--

					hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Quyết định số	
--	--	--	--	--	--	--

					2102/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
28	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh Mã số: 2.000720	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí : Đồng Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT- BTC). Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Thông tư số	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

					85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số	
--	--	--	--	--	---	--

					43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
29	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Không có	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

	doanh Mã 1.001570	số: hợp lệ.			phủ về đăng ký doanh nghiệp. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số	
--	-------------------------	----------------	--	--	--	--

					02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung	
--	--	--	--	--	--	--

					trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
30	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh Mã số: 1.001266	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Không có	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

- Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp.

- Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

- Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày 23/6/2025 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

					trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
31	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Mã số: 2.000575	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng ký trên môi trường điện tử	Lệ phí : 0 Đồng (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT- BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

					doanh nghiệp; - Thông tư số 02/2023/TT-BKHĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. - Quyết định số 2102/QĐ-BTC ngày	
--	--	--	--	--	--	--

					23/6/2025 Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	
32	Thông báo thành lập tổ hợp tác Mã số 2.002226	Ngày tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC- Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

33	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác Mã số 2.002228	Ngay tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc đăng kí trên môi trường điện tử	Lệ phí: Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Bộ Luật Dân sự ngày 24/11/2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC- Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 2103/QĐ-BTC Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.
----	--	------------------------------------	--	---	---	------------------------------------

Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

A. QUY TRÌNH NỘI BỘ DO CẤP TỈNH GIẢI QUYẾT**I. Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp tư nhân và kinh tế tập thể (58 TTHC)****1. Quy trình Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (Mã TTHC: 1.010010)**

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

2. Quy trình Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp (Mã TTHC: 1.010023)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	

		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	1 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

3. Quy trình nội bộ Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (Mã TTHC: 2.001610)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐK doanh nghiệp	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐK doanh nghiệp	
B3	Trả kết quả	Trưởng phòng QLDN & Phòng Đăng ký kinh doanh	Giấy CNĐK doanh nghiệp	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

4. Quy trình Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (Mã TTHC: 2.001583)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	-----------------------------	-------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng phòng QLDN & Phòng Đăng ký kinh doanh	Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

5. Quy trình Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (Mã TTHC: 2.001199)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

6. Quy trình Đăng ký thành lập công ty cổ phần (Mã TTHC: 2.002043)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

7. Quy trình Đăng ký thành lập công ty hợp danh (Mã TTHC: 2.002042)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

8. Quy trình Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ

phần, công ty hợp danh) (Mã TTHC: 2.002041)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

9. Quy trình Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (Mã TTHC: 1.005169)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN		

		& Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

10. Quy trình Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh (Mã TTHC: 2.002011)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

11. Quy trình Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (Mã TTHC: 2.002010)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	

		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

12. Quy trình Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (Mã TTHC: 2.002009)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

13. Quy trình Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (Mã TTHC: 2.002008)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	
		Chuyên viên được phân	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	

		công		1 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

14. Quy trình Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Mã TTHC: 1.005114)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

15. Quy trình Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết (Mã TTHC: 2.002000)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2				

	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

16. Quy trình Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (Mã TTHC: 2.001996)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

17. Quy trình Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân (Mã TTHC: 2.001993)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày

B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

18. Quy trình Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết (Mã TTHC: 2.002044)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

19. Quy trình Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết (Mã TTHC: 2.001992)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực
-----	-----------------------------	-------------	--------------------	----------------

				hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

20. Quy trình Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế) (Mã TTHC: 2.001954)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

21. Quy trình Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (Mã TTHC: 2.002069)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

22. Quy trình Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh) (Mã TTHC: 2.002070)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

23. Quy trình Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. (Mã TTHC: 2.002031)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

24. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. (Mã TTHC: 2.002075)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	-----------------------------	-------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

25. Quy trình Thông báo lập địa điểm kinh doanh (Mã TTHC: 2.002072)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

26. Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Mã TTHC: 2.002045)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

27. Quy trình Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. (Mã TTHC: 1.005176)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	

		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

28. Quy trình Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền. (Mã TTHC: 1.010026)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

29. Quy trình Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty (Mã TTHC: 2.002085)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	
		Chuyên viên được phân	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	

		công		1 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

30. Quy trình Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty (Mã TTHC: 2.002083)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

31. Quy trình Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) (Mã TTHC: 2.002059)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2				

	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

32. Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) (Mã TTHC: 2.002060)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

33. Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) (Mã TTHC: 2.002057)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

34. Quy trình Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại (Mã TTHC: 2.002034)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

35. Quy trình nội bộ Thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (Mã TTHC: 2.002032)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

36. Quy trình Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (Mã TTHC: 2.002033)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	

B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

37. Quy trình Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Mã TTHC: 1.010027)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

38. Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác. (Mã TTHC: 2.002018)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	

		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	1 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

39. Quy trình Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế. (Mã TTHC: 2.002017)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

40. Quy trình Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Mã TTHC: 2.002015)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày

		ngành & ĐKKD		
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

41. Quy trình Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) (Mã TTHC: 2.002029)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

42. Quy trình Giải thể doanh nghiệp (Mã TTHC:.002023)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày

		ng nghiệp & ĐKKD		
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

43. Quy trình Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án (Mã TTHC: 2.002022)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

44. Quy trình Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Mã TTHC: 2.002020)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

45. Quy trình Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp (Mã TTHC: 2.002016)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

46. Quy trình Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. (Mã TTHC: 010029)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

47. Quy trình Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (Mã TTHC: 1.010030)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN &		

		Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

48. Quy trình Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán (Mã TTHC: 1.010031)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

49. Quy trình nội bộ Thủ tục thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (Mã TTHC: 2.000375)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN &		

		Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

50. Quy trình Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường (Mã TTHC: 2.000368)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

51. Quy trình Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội (Mã TTHC: 2.000416)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Quản lý Doanh nghiệp & ĐKKD	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1 ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Giấy CNĐKKD	
B3	Trả kết quả	Trưởng Phòng Quản lý DN		

		& Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Giấy CNĐKKD	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

52. Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Mã TTHC: 2.000024)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	10 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	01 ngày
B3	Chuyển kết quả sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

53. Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (Mã TTHC: 1.000016)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	10 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	01 ngày
B5	Chuyển kết quả sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
B6	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

54. Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. (Mã TTHC: 2.000005)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	10 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	01 ngày
B3	Chuyển kết quả sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày

	HCC tỉnh			
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

55. Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo. (Mã TTHC: 2.002005)

- Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	10 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	01 ngày
B3	Chuyển kết quả sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				13 ngày

56. Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (Mã TTHC: 2.002004)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	12 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	01 ngày
B3	Chuyển kết quả sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty thực hiện quản lý quỹ	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

57. Thủ tục Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (Mã TTHC: 2.002418)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty	11 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty	01 ngày
B3	Chuyển kết quả sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi DN	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				14 ngày

58. Quy trình nội bộ Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp (Mã TTHC: 2.001999)

- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh		¼ ngày
B2	Phòng Quản lý DN &	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày

	Đăng ký kinh doanh	Chuyên viên được phân công	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty	½ ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ DN và dự thảo Văn bản gửi công ty	½ ngày
B3	Chuyển kết quả sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty	¼ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ DN và Văn bản gửi công ty	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

II. Quy trình nội bộ lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam: 22 quy trình

1. Quy trình nội bộ thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009642)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian cắt giảm: Đã cắt giảm 03 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết	01 ngày

			định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày
B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

2. Quy trình nội bộ Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009644)

* Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

* Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

* Thời gian cắt giảm: Đã cắt giảm 03 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung	06 ngày

			nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	
B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

3. Quy trình nội bộ Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. (Mã hồ sơ: 1.009645)

- * Theo quy định của pháp luật: 32 ngày
- * Thời gian đang thực hiện: 32 ngày
- * Thời gian cắt giảm: Đã cắt giảm 0 ngày.

<i>STT</i>	<i>Các bước trình tự thực hiện</i>	<i>Trách nhiệm</i>	<i>Sản phẩm thực hiện</i>	<i>Thời gian thực hiện</i>
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết	

	chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở		định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày
B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

4. Quy trình nội bộ thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009646)

* Theo quy định của pháp luật: 32 ngày

* Thời gian đang thực hiện: 32 ngày

* Thời gian cắt giảm: 0

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày

B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

5. Quy trình nội bộ thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND (Mã hồ sơ: 1.009647)

* Theo quy định của pháp luật:

Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư: 03 ngày;

Trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng: 10 ngày.

* Thời gian đang thực hiện:

Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư: 03 ngày;

Trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng: 10 ngày.

* Thời gian cắt giảm: Đã cắt giảm 0 ngày.

1.1. Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư: 03 ngày

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo GCNĐKĐT và văn bản liên quan	01 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo GCNĐKĐT và văn bản liên quan	1/2 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo	

	Giám đốc Sở		GCNĐKĐT và văn bản liên quan	
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo GCNĐKĐT và văn bản liên quan	1/2 ngày
B7	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở KH & ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1/4 ngày
B8	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm hành PV chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

1.2. Trường hợp thay đổi các nội dung khác tại Giấy chứng: 10 ngày

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (05 ngày); Tổ chức họp Liên ngành (Nếu có)	11 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày

B5	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở KH & ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Giấy CNĐKĐT /Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B6	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Giấy CNĐKĐT /Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

6. Quy trình nội bộ thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009649)

* Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian cắt giảm: 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày

	đến Bộ phận Văn thư Sở			
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày
B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

7. Quy trình nội bộ thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009650)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian cắt giảm: 0 ngày làm việc.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày

B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

8. Quy trình nội bộ Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009652)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian cắt giảm: 0 ngày

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết	

	chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở		định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày
B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

9. Quy trình nội bộ thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009653)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày

B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

10. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009654)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày

	đến Bộ phận Văn thư Sở			
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày
B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

11. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND tỉnh (Mã hồ sơ: 1.009655)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 32 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ HC công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra thực địa (nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (Nếu có)	06 ngày

B9	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				32 ngày

12. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) (Mã hồ sơ: 1.009656)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (01 ngày); Tổ chức họp Liên ngành hoặc tổ chức đi thực địa (Nếu có)	01 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày

B5	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư của Sở KH &ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	1/4 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (nếu có)	01 ngày
B9	Gửi kết quả tới Bộ phận TN & TKQ của Sở KH & ĐT	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B10	Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở KH&ĐT tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

13. Quy trình nội bộ thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) (Mã hồ sơ: 1.009657)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày

B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	01 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	¼ ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở KH & ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

14. Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã hồ sơ: 1.009659)

* Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

* Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

* Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài		Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày

	ngân sách	Trưởng phòng		
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (07 ngày); Tổ chức họp Liên ngành hoặc tổ chức đi thực địa (Nếu có)	08 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư của Sở KH &ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (nếu có)	05 ngày
B9	Gửi kết quả tới Bộ phận TN & TKQ của Sở KH &ĐT	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở KH&ĐT tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				18 ngày

15. Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã hồ sơ: 1.009661)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (07 ngày); Tổ chức họp Liên ngành hoặc tổ chức đi thực địa (Nếu có)	02 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/4 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư của Sở KH &ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	1/4 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày

B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (nếu có)	01 ngày
B9	Gửi kết quả tới Bộ phận TN & TKQ của Sở KH & ĐT	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B10	Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở KHĐT tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				05 ngày

16. Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã hồ sơ: 1.009662)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (07 ngày); Tổ chức họp Liên ngành hoặc tổ chức đi thực địa (Nếu có)	5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư của Sở KH &ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Chuyển hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (nếu có)	02 ngày
B9	Gửi kết quả tới Bộ phận TN & TKQ của Sở KH &ĐT	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở KH&ĐT tại TT phục vụ HCC tỉnh	Scan Hồ sơ; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				12 ngày

17. Quy trình nội bộ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Mã hồ sơ: 1.009664)

- * Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.
- * Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày làm việc.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	¼ ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (03 ngày); Tổ chức họp Liên ngành (Nếu có)	7,5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B4	Xem xét và ký duyệt. chuyển sang Bộ phận Văn thư	Giám đốc sở	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Tài chính lấy sổ, lưu sổ, phát hành	Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/4 ngày
B8	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở KH và ĐT tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Giấy CNĐKĐT /Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

18. Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã hồ sơ: 1.00965)

- * Theo quy định của pháp luật: 03 ngày
- * Thời gian đang thực hiện: 03 ngày
- * Thời gian cắt giảm: Đã cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (05 ngày); Tổ chức họp Liên ngành (Nếu có)	11 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	½ ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Giấy CNĐKĐT/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B5	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở KH & ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Giấy CNĐKĐT /Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B6	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Giấy CNĐKĐT /Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

19. Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Mã hồ sơ: 1.009671)

- * Theo quy định của pháp luật: 03 ngày
- * Thời gian đang thực hiện: 03 ngày
- * Thời gian cắt giảm: Đã cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên được phân công	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo GCNĐKĐT và văn bản liên quan	01 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo GCNĐKĐT và văn bản liên quan	1/2 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo GCNĐKĐT và văn bản liên quan	
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã duyệt tới Bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ và Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo GCNĐKĐT và văn bản liên quan	½ ngày
B7	Bàn giao hồ sơ tới Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở KH & ĐT vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	1/4 ngày
B8	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	¼ ngày
Tổng thời gian thực hiện				03 ngày

20. Quy trình nội bộ thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Mã hồ sơ: 1.009729)

* Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/4 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố liên quan; Tổ chức họp Liên ngành (Nếu có)	12 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	01 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B4	Xem xét và ký duyệt. chuyển sang Bộ phận Văn thư	Giám đốc sở	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Tài chính lấy số, lưu sổ, phát hành	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/4 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

21. Quy trình nội bộ thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Mã hồ sơ: 1.009731)

* Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố liên quan; Tổ chức họp Liên ngành (Nếu có)	11,5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt. chuyển sang Bộ phận Văn thư	Giám đốc sở	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Tài chính lấy số, lưu số, phát hành	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

22. Quy trình nội bộ thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC (Mã hồ sơ: 1.009736)

* Theo quy định của pháp luật: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian đang thực hiện: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

* Thời gian cắt giảm: Cắt giảm 0 ngày.

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố liên quan; Tổ chức họp Liên ngành (Nếu có)	11,5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B3	Xem xét, xác nhận, trình Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B4	Xem xét và ký duyệt. chuyển sang Bộ phận Văn thư	Giám đốc sở	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Tài chính lấy số, lưu sổ, phát hành	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Quyết định/Văn bản chỉ đạo	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

III. Lĩnh vực Phát triển doanh nghiệp nhà nước (11 TTHC)

1. Quy trình nội bộ thủ tục Thành lập doanh nghiệp (DN) do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND cấp

tỉnh) quyết định thành lập 2.000529

- Thời gian giải quyết: 40 ngày làm việc

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố, các Bộ, ngành TW; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra liên ngành (Nếu có)	20 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình; Dự thảo đề án thành lập; Văn bản chỉ đạo; Ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B3	Xem xét xác nhận, chuyển hồ sơ tới Giám đốc	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình; Dự thảo đề án thành lập; Văn bản chỉ đạo; Ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B4	Xem xét, ký duyệt và Chuyển hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình; Dự thảo đề án thành lập; Văn bản chỉ đạo; Ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	½ ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình; Dự thảo đề án thành lập; Văn bản chỉ đạo; Ý kiến phê duyệt	½ ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới	Bộ phận TN & TKQ của Văn	Hồ sơ, Tờ trình; Dự thảo đề án thành lập; Văn bản	

	Văn phòng UBND tỉnh	phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	chỉ đạo; Ý kiến phê duyệt	½ ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình; Báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án thành lập; Văn bản chỉ đạo; Ý kiến phê duyệt; Bổ sung nội dung thẩm định theo ý kiến của Thủ tướng hoặc tổ chức họp liên ngành (Nếu có)	15 ngày
B9	Trả hồ sơ về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				40 ngày

2. Hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp (DN) do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu (UBND cấp tỉnh) quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý 2.001061

- Thời gian giải quyết: 27 ngày làm việc

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra liên	16 ngày

			ngành (Nếu có)	
		Trưởng phòng: Xem xét và ký nhận và chuyển tới lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét, xác nhận và chuyển tới Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	01 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt văn bản và chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B5	Bàn giao Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; Bổ sung nội dung thẩm định theo ý kiến của Thủ tướng hoặc tổ chức hợp liên ngành (Nếu có)	05 ngày
B9		Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày

		hành chính công tỉnh		
Tổng thời gian thực hiện				27 ngày

3. Chia, tách doanh nghiệp (DN) do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do cơ quan đại diện chủ sở hữu UBND cấp tỉnh quyết định thành hoặc được giao quản lý 2.001025

- Thời gian giải quyết: 45 ngày làm việc

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công nhiệm vụ	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành (Nếu có)	24 ngày
		Lãnh đạo phòng: Xem xét, thẩm định trình Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét, thẩm định, xác nhận và chuyển tới Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	01 ngày
B4	Xem xét và phê duyệt văn bản. Chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B5	Bàn giao Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư vào sổ, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày

B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; Bổ sung nội dung thẩm định theo ý kiến của Thủ tướng hoặc tổ chức hợp liên ngành (nếu có)	15 ngày
B9	Trả hồ sơ về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				45 ngày

4. Tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do UBND cấp tỉnh quyết định thành hoặc được giao quản lý) 1.002395

- Thời gian giải quyết: 22 ngày làm việc

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố tham gia thẩm định (05 ngày); Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra liên ngành (nếu có)	10 ngày
		Trưởng phòng: Xem xét, thẩm định, trình Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	½ ngày
B3	Xem xét, thẩm định, xác nhận, chuyển tới Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B4	Xem xét và phê duyệt văn bản, Chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở KH và Đầu tư vào số, lưu sổ, phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; Bổ sung nội dung thẩm định theo ý kiến của Thủ tướng hoặc tổ chức họp liên ngành (Nếu có)	07 ngày
B9	Trả hồ sơ về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT PV phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày

B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				22 ngày

5. Giải thể doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (do UBND cấp tỉnh quyết định thành hoặc được giao quản lý)
2.001021

- Thời gian giải quyết: 27 ngày làm việc

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố; Tổ chức họp Liên ngành hoặc kiểm tra liên ngành (nếu có)	15 ngày
		Trưởng phòng: Xem xét và ký nhận, trình Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	½ ngày
B3	Xem xét, xác nhận chuyển hồ sơ tới Giám đốc sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	½ ngày
B4	Xem xét và phê duyệt văn bản. Chuyển hồ sơ đã ký duyệt đến Bộ phận Văn thư Sở	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày

B5	Bàn giao hồ sơ đã ký duyệt về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn Thư Sở vào sổ, lưu sổ và phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; Bổ sung nội dung thẩm định theo ý kiến của Thủ tướng hoặc tổ chức hợp liên ngành (nếu có)	07 ngày
B9	Trả hồ sơ về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				26

6 .Thủ tục cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương 1.010060

Thời gian thực hiện là 08 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/4 ngày

		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
B2	Lãnh đạo Sở phân công nhiệm vụ cho phòng quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phân công (Scan văn bản đến trưởng phòng chuyên môn)	1/2 ngày
B3	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công (Scan văn bản đến chuyên viên)	1/4 ngày
B4	Chuyên viên tiếp nhận và xử lý hồ sơ tạm ứng	Chuyên viên được giao xử lý	Dự thảo văn bản (báo cáo thẩm định, Sở Tài chính thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền..)	06 ngày
B5	Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Lệnh chi tiền	1/2 ngày
B6	Văn thư đóng dấu, vào sổ chuyển lệnh chi tiền ra kho bạc nhà nước	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Scan và chuyển văn bản đến kho bạc nhà nước	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

7. Thủ tục cấp phát kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc địa phương 1.007623

Thời gian đang thực hiện là 08 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/4 ngày

		tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
B2	Lãnh đạo Sở phân công nhiệm vụ cho phòng quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phân công (Scan văn bản đến trưởng phòng chuyên môn)	1/2 ngày
B3	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công (Scan văn bản đến chuyên viên)	1/4 ngày
B4	Chuyên viên tiếp nhận và xử lý hồ sơ tạm ứng	Chuyên viên được giao xử lý	Dự thảo văn bản (báo cáo thẩm định, Sở Tài chính thực hiện bằng hình thức lệnh chi tiền..)	06 ngày
B5	Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Lệnh chi tiền	1/2 ngày
B6	Văn thư đóng dấu, vào sổ chuyển lệnh chi tiền ra kho bạc nhà nước	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Scan và chuyển văn bản đến kho bạc nhà nước	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				08 ngày

8. Xử lý miễn lãi các khoản lãi chậm nộp của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp 3.000213

Thời gian thực hiện: 25 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/2 ngày

B2	Lãnh đạo Sở phân công nhiệm vụ cho phòng quản lý doanh nghiệp và đăng kí kinh doanh	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phân công (Scan văn bản đến Trưởng phòng chuyên môn)	1/2 ngày
B3	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ	Trưởng phòng	Ý kiến phân công (Scan văn bản đến chuyên viên)	1/2 ngày
B4	Chuyên viên tiếp nhận và xử lý hồ sơ tạm ứng	Chuyên viên được giao xử lý	Dự thảo văn bản chấp thuận	15 ngày
B5	Phòng chuyên môn trình Lãnh đạo Sở phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Dự thảo văn bản chấp thuận	01 ngày
B6	Văn thư đóng dấu, vào sổ chuyển hồ sơ lên UBND tỉnh	Văn thư	Scan và chuyển văn bản đến Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, Công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				25 ngày

IV. Lĩnh vực quản lý Công sản

1. Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công – tư; Mã TTHC: 1.005419

Thời gian giải quyết 30 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày

		Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh		
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLGC	Ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên phòng QLGC	Dự thảo văn bản (kèm theo dự thảo Quyết định)	16 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo Quyết định ...)	01 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, Công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

2. Thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng; Mã TTHC: 1.011769

Thời gian giải quyết trong nội bộ Sở Tài chính 15 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ	Văn bản scan kèm theo hồ sơ	1/2 ngày

		hành chính công tỉnh		
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QL&TSC	Ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên phòng QL&TSC	Dự thảo văn bản (Công văn)	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Công văn)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

3. Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước; Mã TTHC: 1.006218

Thời gian giải quyết 10 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/2 ngày

B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLG&TSC	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng QLG&TSC	Dự thảo văn bản (kèm theo dự thảo Quyết định)	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Lấy số, phát hành chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo Quyết định...)	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				10 ngày

4. Thủ tục chi thưởng đối với tổ chức, cá nhân phát hiện tài sản chôn giấu, bị vùi lấp, chìm đắm tài sản bị đánh rơi, bỏ quên; Mã TTHC: 1.006219

Thời gian giải quyết 30 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp	Lãnh đạo phòng QLG&TSC	Ý kiến phân công	01 ngày

	nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Chuyên viên phòng QL&TSC	Dự thảo văn bản (kèm theo dự thảo Quyết định)	16 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo Quyết định ...)	01 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, Công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

5. Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu; Mã TTHC: 1.006220

Thời gian giải quyết 30 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh	Lãnh đạo phòng QL&TSC	Ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên phòng QL&TSC	Dự thảo văn bản (kèm theo dự thảo	16 ngày

	đạo Sở		Quyết định)	
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo Quyết định ...)	01 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, Công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

6. Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách cấp; Mã TTHC: 1.006221

Thời gian thực hiện: 30 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ trình Lãnh đạo	Lãnh đạo phòng QLG&TSC	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng QLG&TSC	Dự thảo văn bản (kèm theo dự thảo QĐ)	15 ngày

	Sở	Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, phát hành gửi Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo Quyết định ...)	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			09 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

7. Thủ tục giao quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ ngân sách hỗ trợ; Mã TTHC: 1.006222

Thời gian thực hiện là 30 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QL&TSC	Ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên phòng QL&TSC	Dự thảo văn bản	26 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	01 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Công văn)	1/2 ngày
B5	Trả kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

8. Xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế; Mã TTHC: 3.000410

- Thời gian giải quyết 30 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QL&TSC	Ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên phòng QL&TSC	Dự thảo văn bản (kèm theo dự thảo Quyết định)	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	06 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	05 ngày

B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo Quyết định ...)	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, Công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

9. Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế; Mã TTHC: 3.000410

Thời gian giải quyết 30 ngày làm việc

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo	Lãnh đạo phòng Chuyên môn	Ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên	Dự thảo văn bản (kèm theo dự thảo Quyết định)	16 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định	03 ngày

B3	Phê duyệt	Lãnh đạo cao cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Văn thư	Văn bản phát hành (Tờ trình, dự thảo Quyết định ...)	01 ngày
B5	Tiếp nhận, chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	01 ngày
B6	Liên thông UBND cấp xã			05 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Kèm theo kết quả (scan Quyết định, Công văn phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				30 ngày

V. Lĩnh vực Giá

1. Hiệp thương giá

1.1. Trường hợp văn bản đề nghị hiệp thương giá đúng quy định

- Thời hạn giải quyết là 18 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	0,5 ngày
	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình	Lãnh đạo phòng Quản lý giá & Tài sản công	Ý kiến phân công	0,5 ngày

B2	Lãnh đạo Sở	Chuyên viên phòng QLG&TSC	- Thẩm định hồ sơ đề nghị hiệp thương giá - Tổ chức Hội nghị hiệp thương giá - Dự thảo văn bản (Biên bản hội nghị hiệp thương giá, văn bản xác định mức giá)	11,5 ngày
		Lãnh đạo phòng QLG&TSC	Ý kiến thẩm định	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Biên bản hội nghị hiệp thương giá, văn bản xác định mức giá)	0,5 ngày
B5	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan văn bản phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				18 ngày

1.2. Trường hợp văn bản đề nghị hiệp thương giá không đúng quy định

- Thời hạn giải quyết là 29 ngày làm việc.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển lãnh đạo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn bản scan, kèm theo hồ sơ	0,5 ngày
B2	Phòng chuyên môn nghiệp vụ tiếp nhận thẩm định hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QL>SC	Ý kiến phân công	0,5 ngày
		Chuyên viên phòng QL>SC	- Thẩm định hồ sơ đề nghị hiệp thương giá, đề nghị các bên bổ sung thông tin - Tổ chức Hội nghị hiệp thương giá - Dự thảo văn bản (Biên bản hội nghị hiệp thương giá, văn bản xác định mức giá)	22,5 ngày
		Lãnh đạo phòng QL>SC	Ý kiến thẩm định	02 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	02 ngày
B4	Lấy số, phát hành và chuyển Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư	Văn bản phát hành (Biên bản hội nghị hiệp thương giá, văn bản xác định mức giá)	0,5 ngày
B5	Tiếp nhận kết quả liên thông và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Kèm theo kết quả (scan văn bản phê duyệt)	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

VI. Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và nông nghiệp, nông thôn

1. Quy trình nội bộ cam kết hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

1.1. Quy trình nội bộ cam kết hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn từ ngân sách tỉnh.

** Theo quy định của pháp luật:*

- Đối với cam kết hỗ trợ vốn từ ngân sách tỉnh: 18 ngày

* Thời gian đang thực hiện là:

- Đối với cam kết hỗ trợ vốn từ ngân sách tỉnh: 15 ngày

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ, tổng hợp trình lãnh đạo phòng.	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý DN & Đăng ký kinh doanh	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố thẩm định (03 ngày); Tổ chức họp Liên ngành (nếu có)	6,5 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, chuyển tới Giám đốc	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét, ký duyệt văn bản, hồ sơ, Chuyển tới Bộ Phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư của Sở Tài chính vào sổ, lưu sổ phát hành văn bản	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT PV HCC tỉnh	Bộ phận TN & TKQ Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B7	Chuyển hồ sơ về Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày

B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh;		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	04 ngày
B9	Trả kết quả về Bộ phận TN & TKQ của Sở KH&ĐT tại Trung tâm PV hành chính công tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	
Tổng thời gian thực hiện				15 ngày

VII. Lĩnh vực đấu thầu

1. Quy trình nội bộ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Mã hồ sơ: 1.009491)

- * Theo quy định của pháp luật:
 - Thời gian thẩm định: Không quá 14 ngày làm việc
 - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày làm việc
- * Thời gian đang thực hiện là:
 - Thời gian thẩm định: Không quá 30 ngày làm việc
 - Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày làm việc
- * Thời gian cắt giảm: 16 ngày

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (05 ngày); Tổ chức họp Liên ngành; kiểm	09 ngày

			tra thực địa (nếu có)	
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, chuyển hồ sơ tới Giám đốc sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Xem xét và phê duyệt văn bản, hồ sơ. Chuyển sang bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo.	01 ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Tài chính lấy số, lưu số, phát hành	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo (Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án)	14 ngày
B9	Trả hồ sơ về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

2. Thẩm định, báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất. (Mã hồ sơ: 1.009492)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	-----------------------------	-------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (05 ngày); Tổ chức họp Liên ngành; kiểm tra thực địa (nếu có)	09 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, chuyển hồ sơ tới Giám đốc sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Xem xét và phê duyệt văn bản, hồ sơ. Chuyển sang bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo.	01 ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Tài chính lấy số, lưu số, phát hành	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo (Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án)	15 ngày
B9	Trả hồ sơ về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày

		tỉnh		
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

3. Thẩm định nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Mã hồ sơ: 1.009493)

* Theo quy định của pháp luật:

- Thời gian thẩm định: Không quá 14 ngày làm việc
- Thời hạn phê duyệt quyết định chủ trương đầu tư: Không quá 15 ngày làm việc

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài ngân sách	Trưởng phòng hoặc phó phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố tham gia thẩm định (05 ngày); Tổ chức họp Liên ngành hoặc tổ chức kiểm tra thực địa (nếu có)	09 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét và xác nhận, chuyển Giám đốc Sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B4	Xem xét và phê duyệt hồ sơ, chuyển Bộ phận Văn thư	Giám đốc Sở	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	01 ngày
B5	Chuyển hồ sơ, VB được duyệt tới Bộ phận TN&TKQ của Sở Tài chính tại Trung	Bộ phận Văn thư vào sổ, lưu sổ, phát hành VB	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày

	tâm hành chính công			
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN&TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; Dự thảo Quyết định/Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển tới Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh; Lãnh đạo UBND tỉnh		Hồ sơ,Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án (nếu có)	14 ngày
B9	Chuyển kết quả tới Bộ phận TN&TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm hành chính công	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN&TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo/ ý kiến phê duyệt.	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

4. Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất (Mã hồ sơ: 1.009494)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ	Bộ phận TN&TKQ- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý đầu tư ngoài	Trưởng phòng	Hồ sơ và ý kiến phân công	1/2 ngày

	ngân sách	Chuyên viên được phân công	Các văn bản gửi các ngành, đơn vị, UBND thành phố (10 ngày); Tổ chức họp Liên ngành; kiểm tra thực địa (nếu có)	09 ngày
		Trưởng phòng	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	01 ngày
B3	Xem xét, xác nhận, chuyển hồ sơ tới Giám đốc sở	Lãnh đạo phụ trách khối	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo; ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Xem xét và phê duyệt văn bản, hồ sơ. Chuyển sang bộ phận Văn Thư	Giám đốc Sở Tài chính	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo.	01 ngày
B5	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Bộ phận Văn thư Sở Tài chính lấy số, lưu số, phát hành	Tờ trình/ Báo cáo thẩm định	1/2 ngày
B6	Chuyển hồ sơ sang Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B7	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển Văn phòng UBND tỉnh	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B8	Liên thông Văn phòng UBND tỉnh		Hồ sơ, Tờ trình/ Báo cáo thẩm định; dự thảo Quyết định/ Văn bản chỉ đạo (Bổ sung nội dung thẩm định hoặc tổ chức thực địa dự án)	14 ngày
B9	Trả hồ sơ về Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính	Bộ phận TN & TKQ của Văn phòng UBND tỉnh tại TT phục vụ HCC tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
B10	Trả kết quả tới khách hàng	Bộ phận TN & TKQ của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Quyết định/ Văn bản chỉ đạo	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				29 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO UBND CẤP XÃ, PHƯỜNG THỰC LỰC, GIẢI QUYẾT**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC: 26 TTHC**

1. Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (Mã TTHC: 2.002635)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo yêu cầu THT, HTX, LH HTX có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi tên	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Thông báo yêu cầu THT, HTX, LH HTX có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi tên	
B3	Gửi Thông báo yêu cầu THT, HTX, LH HTX có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Phòng Kinh tế	Thông báo yêu cầu THT, HTX, LH HTX có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi tên	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

THT, HTX, LH HTX có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên (thực hiện nộp hồ sơ theo quy định tại Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường/ Qua dịch vụ bưu chính/ Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký HTX/ Cổng dịch vụ công quốc gia) trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, thành phố ra thông báo yêu cầu thay đổi tên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm yêu cầu.

2. Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo (Mã TTHC: 2.002636)

2.1. Trường hợp cần xác định nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Văn bản đề nghị thu hồi và một trong các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; Giấy biên nhận	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ đăng ký THT, HTX, LH HTX và dự thảo văn bản gửi cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/ NĐ-CP	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ đăng ký THT, HTX, LH HTX và văn bản gửi cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/ NĐ-CP	
B3	Gửi văn bản đến cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/ NĐ-CP	Phòng Kinh tế	Hồ sơ và văn bản gửi cơ quan quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/ NĐ-CP	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

Các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về kết quả xác định theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Sau khi có văn bản về kết quả xác định, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện triển khai các bước tiếp theo theo quy định.

2.2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	-----------------------------	--------------------------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Văn bản đề nghị thu hồi, các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và hồ sơ khác theo định; Giấy biên nhận	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo về hành vi vi phạm, dự thảo Quyết định thu hồi GCN đăng ký THT, HTX, LH HTX, Chi nhánh, văn phòng đại diện	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Thông báo về hành vi vi phạm, Quyết định thu hồi GCN đăng ký THT, HTX, LH HTX, Chi nhánh, văn phòng đại diện	
B3	Đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế	Phòng Kinh tế	Thông báo về hành vi vi phạm, Quyết định thu hồi GCN đăng ký THT, HTX, LH HTX, Chi nhánh, văn phòng đại diện	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

2.3. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Văn bản đề nghị thu hồi, các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 92/2024/NĐ-CP và hồ sơ khác theo quy định; Giấy biên nhận	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo về hành vi vi phạm, dự thảo Quyết định thu hồi GCN đăng ký THT, HTX, LH HTX, Chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Thông báo về hành vi vi phạm, Quyết định thu hồi GCN đăng ký THT, HTX, LH HTX, Chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo	

B3	Đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế	Phòng Kinh tế	Thông báo về hành vi vi phạm, Quyết định thu hồi GCN đăng ký THT, HTX, LH HTX, Chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo	½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

3. Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 (Mã TTHC: 2.002637)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký tổ hợp tác	

		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký tổ hợp tác	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký tổ hợp tác	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký tổ hợp tác	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

4. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy (Mã TTHC: 2.002638)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký THT được cấp lại	

		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký THT được cấp lại	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký THT được cấp lại	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký THT được cấp lại	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

5. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002639)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký THT/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký THT	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký THT/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký THT	

B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký THT/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký THT	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký THT/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký THT	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

6. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002640)

6.1. Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký THT	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký THT	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký THT	½ ngày

B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký THT	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

6.2. Trường hợp tổ hợp tác phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	1,5 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký THT trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký THT trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

7. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002641)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

		Kinh tế		
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh, giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh/giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh/giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh/giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

8. Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002642)

8.1. Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày

		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

8.2. Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	2,5 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
Tổng thời gian thực hiện				3,5 ngày

Hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của tổ hợp tác trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

9. Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002643)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

10. Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác (Mã TTHC: 2.002644)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	-----------------------------	--------------------------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác và hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin đăng ký hợp tác xã	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

11. Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002645)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ	

		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
B3	Gửi thông tin cho cơ quan thuế	Phòng Kinh tế		½ ngày
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

12. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (Mã TTHC: 2.002646)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và phê duyệt thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

13. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002648)

13.1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký HTX, LH HTX	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký HTX, LH HTX	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký HTX, LH HTX	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký HTX, LH HTX	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

13.2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hiện nội dung thông tin đăng ký trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bị thiếu hoặc chưa chính xác so với Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký thuế do quá trình chuyển đổi dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	1,5 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký HTX, LH HTX trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký HTX, LH HTX trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

14. Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002649)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký HTX, LH HTX/cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký HTX, LH HTX/cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký HTX, LH HTX (trường hợp làm thay đổi GCN)	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký HTX, LH HTX (trường hợp làm thay đổi GCN)	

Tổng thời gian thực hiện	02 ngày
---------------------------------	----------------

15. Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.002650)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX/cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX/cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX (trường hợp làm thay đổi GCN)	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX (trường hợp làm thay đổi GCN)	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

16. Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (Mã TTHC: 1.005280)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký HTX, LH HTX	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký HTX, LH HTX	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký HTX, LH HTX	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký HTX, LH HTX	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

17. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh (Mã TTHC: 2.002123)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

18. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (Mã TTHC: 1.005277)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký HTX, LH HTX	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký HTX, LH HTX	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký HTX, LH HTX	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký HTX, LH HTX	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

19. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.004901)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày

		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký HTX, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký HTX, LH HTX và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký HTX, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký HTX, LH HTX và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký HTX, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký HTX, LH HTX và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký HTX, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký HTX, LH HTX và các giấy xác nhận khác theo quy định tương ứng tại Nghị định số 92/2024/NĐ-CP	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

20. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (Mã TTHC: 1.004979)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp HTX, LH HTX có nhu cầu)	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp HTX, LH HTX có nhu cầu)	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp HTX, LH HTX có nhu cầu)	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (trường hợp HTX, LH HTX có nhu cầu)	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

21. Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.001958)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	1,5 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	

		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

22. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.005378)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Giấy xác GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh, hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu	½ ngày

B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

23. Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (Mã TTHC: 1.005377)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Giấy xác nhận về việc về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh/giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Giấy xác nhận về việc về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh/giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	

B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Giấy xác nhận về việc về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh/giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Giấy xác nhận về việc về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh/giấy xác nhận về việc tổ hợp tác tiếp tục kinh doanh trở lại	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

24. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 2.001973)

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo GCN đăng ký hợp tác xã, GCN đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và GCN đăng ký hợp tác xã, GCN đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX	

B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	GCN đăng ký hợp tác xã, GCN đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	GCN đăng ký hợp tác xã, GCN đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của HTX, LH HTX	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

25. Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.004982)

25.1. Trường hợp thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp HTX

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo về việc HTX, LH HTX đang làm thủ tục giải thể	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Thông báo về việc HTX, LH HTX đang làm thủ tục giải thể	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Thông báo về việc HTX, LH HTX đang làm thủ tục giải thể	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Thông báo về việc HTX, LH HTX đang làm thủ tục giải thể	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày

25.2. Trường hợp đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp HTX

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	2,5 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo về việc HTX, LH HTX đã giải thể/chấm dứt tồn tại	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Thông báo về việc HTX, LH HTX đã giải thể/chấm dứt tồn tại	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Thông báo về việc HTX, LH HTX đã giải thể/chấm dứt tồn tại	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Thông báo về việc HTX, LH HTX đã giải thể/chấm dứt tồn tại	
Tổng thời gian thực hiện				3,5 ngày

Sau thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, đã chấm dứt hoạt động đồng thời ra thông báo hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

26. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Mã TTHC: 1.005010)

26.1. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

		công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế		
B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	2,5 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và dự thảo Thông báo về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chấm dứt hoạt động	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và Thông báo về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chấm dứt hoạt động	
B3	Chuyển hồ sơ sang Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Phòng Kinh tế	Thông báo về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chấm dứt hoạt động	½ ngày
B4	Trả kết quả tới khách hàng	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường	Thông báo về việc chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chấm dứt hoạt động	
Tổng thời gian thực hiện				3,5 ngày

Trong trường hợp kết thúc thời hạn 06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký HTX mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

26.2. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ngoài nước

STT	Các bước trình tự thực hiện	Đơn vị thực hiện/ Người thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, bàn giao hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công UBND các xã, phường (đối với nộp trực tiếp)/Phòng Kinh tế	Hồ sơ đủ, đúng theo quy định	½ ngày

B2	Xử lý hồ sơ	Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và ý kiến phân công	1,5 ngày
		Chuyên viên Phòng Kinh tế được phân công	Hồ sơ và cập nhật thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
		Trưởng Phòng Kinh tế	Hồ sơ và cập nhật thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã	
Tổng thời gian thực hiện				02 ngày